

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2022

Về việc báo cáo tình hình triển khai các dự án giao thông trọng điểm do Ban QLDA Giao thông tỉnh làm chủ đầu tư và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh.

Kính gửi: Thường trực Tỉnh ủy.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Văn bản số 556-TB/TU ngày 20/6/2022, UBND tỉnh tổng hợp báo cáo tình hình triển khai các dự án giao thông trọng điểm do Ban QLDA Giao thông tỉnh làm Chủ đầu tư và tình hình triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

**I. ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG TRỌNG ĐIỂM DO BAN QLDA GIAO THÔNG TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**

**1. Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân**

**a. Quy mô xây dựng:** Tuyến được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng. Chiều dài tuyến L = 13,581Km. Vtk = 80 Km/h. B<sub>n</sub> = 20,50m. Xây dựng 09 công trình cầu trên tuyến.

**b. Tổng mức đầu tư: 2.674,650 tỷ đồng** (trong đó: xây lắp: 1.964,403 tỷ đồng; GPMB: 411,010 tỷ đồng).

**c. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2021 – 2024. Thời gian khởi công hoàn thành: tháng 4/2022 đến tháng 12/2024.

**d. Kế hoạch vốn và giải ngân**

- Lũy kế kế hoạch vốn đến nay: **780,520** tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương), trong đó năm 2022: 775 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương).

- Lũy kế giải ngân đến nay: **760,734/780,520** tỷ đồng, trong đó năm 2022: 755,214/775 tỷ đồng.

**đ. Tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư:** Phạm vi bị ảnh hưởng GPMB thuộc địa bàn huyện Phù Cát (gồm Thị trấn Cát Tiến và xã Cát Chánh) và huyện Tuy Phước (gồm xã Phước Thắng, xã Phước Hòa, xã Phước Sơn và xã Phước Thuận). Tổng số bị ảnh hưởng GPMB toàn tuyến là **1.429hộ + 6 tổ chức/101,96ha** (thu hồi 59,35ha, mượn tạm 42,61ha)/ **1.628thửa** (Trong đó: bị ảnh hưởng đất có nhà ở 74hộ; bị ảnh hưởng đất nông nghiệp là 1.052hộ và 6 tổ chức; ảnh hưởng mồ mã là 303 hộ+1 tổ chức). Số hộ phải bố trí tái định cư: **48 hộ** (trong đó: huyện Phù Cát: 02 hộ, huyện Tuy Phước: 46 hộ).

**- Về công tác kiểm kê:**

+ Đối với đất nông nghiệp, đất ở và đất có nhà ở đã kiểm kê xong.

+ Đối với mô mã đã kiểm kê là: **277hộ+1 tổ chức/ 1134mộ**.

- **Về công tác xác nhận nguồn gốc đất của các địa phương:** đã thực hiện xong.

- **Về phê duyệt phương án bồi thường GPMB:** UBND tỉnh phê duyệt 48đợt: **1.399hộ+6 tổ chức/1.429hộ + 6 tổ chức** (đạt 97,90 %), tổng số tiền phê duyệt là **227,36tỷ** (Trong đó bao gồm đất nông nghiệp là **1052hộ+6 tổ chức**, đất có nhà ở là **70hộ** và di dời mô mã là **277hộ+1 tổ chức / 1134mộ**).

- **Về công tác chi trả tiền:** Đã chi trả đến nay: **1.135hộ+5tổ chức/180,18tỷ** (đất nông nghiệp **994hộ + 5 tổ chức**, đất ở **30hộ** và di dời mô mã **111hộ**). Số còn lại **264hộ + 1 tổ chức / 47,18tỷ** (đất nông nghiệp, đất có nhà ở và phần lớn là các hộ di dời mô mã), Ban đang tiếp tục vận động và chi trả các đợt tiếp theo.

- **Về bàn giao mặt bằng và số lượng mô mã đã bốc di dời cải táng nơi khác:**

+ Diện tích đất đã lập phương án GPMB là: Thu hồi **55,77ha/55,77ha** và mượn tạm đất để thi công là **38,4ha / 42,61ha**.

+ Số lượng mô mã đã bốc và đăng ký di dời là **397mộ/1.134mộ** của 131hộ / 277hộ + 01 tổ chức.

+ Đã bàn giao mặt bằng được **13Km/13,58Km**.

- **Về phương án xét giao đất tái định cư:** đã bàn giao **32hộ/34lô đất**, còn lại **16 hộ** đang lập phương án để bố trí tái định cư vào khu tái định cư Quảng Vân xã Phước Thuận (09 hộ) và Khu tái định cư Vinh Quang xã Phước Sơn (07 hộ).

- **Về công tác xây dựng khu tái định cư:** Đầu tư xây dựng 03 khu tái định cư tại các xã Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Thuận để phục vụ tái định cư cho dự án và hoàn trả quỹ đất tái định cư cho địa phương, Ban QLDA Giao thông đang hoàn thiện hồ sơ thủ tục để khởi công trong tháng 12/2022.

- **Về công tác xây dựng khu cải táng mô mã:** Đầu tư xây dựng 02 khu cải táng mô mã tại các xã Phước Sơn, xã Phước Thuận, Ban QLDA Giao thông đang hoàn thiện hồ sơ thủ tục để khởi công trong tháng 12/2022.

- **Về công tác di dời hạ tầng kỹ thuật (điện, nước):** Ban QLDA Giao thông tỉnh đã ký hợp đồng với nhà thầu xây lắp và đang triển khai thực hiện di dời.

#### **d. Tình hình triển khai thi công xây dựng**

- Dự án chia làm 2 gói thầu: gói thầu số 01 giá trị **1.018,8 tỷ đồng** và gói thầu số 02 với giá trị **1.016,7 tỷ đồng**, thời gian thực hiện 32 tháng, hiện nay, nhà thầu đang triển khai thi công đắp cát nền đường được 2,8km, đắp đường công vụ dọc tuyến được 4,8km, các vị trí cầu (9 cầu) đã có hướng tiếp cận tuy nhiên do thời tiết bất lợi và địa hình khu vực trũng thấp nên việc đắp đất đường công vụ chưa triển khai được do ngập nước, riêng cầu Phước Sơn 1 đã đúc được 84/90 dầm. Giá trị xây lắp thực hiện đến nay: **112,1/2.035,5 tỷ đồng, đạt 5,5%**.

- Phương án thông tuyến: Trên toàn tuyến đang vướng 10 vị trí (*vướng đất có nhà cửa các hộ dân*), Ban QLDA Giao thông tỉnh đã tổ chức kiểm tra thực tế, làm việc vận động các hộ dân để tìm phương án làm đường công vụ qua các vị trí này. Đến nay đã có phương án xử lý đối với 10 vị trí vướng nêu trên, khi thời

tiết thuận lợi sẽ đôn đốc nhà thầu khẩn trương tập trung đắp đường công vụ tiếp cận các vị trí này để thông tuyến; đồng thời, tiếp cận để triển khai các cầu Phước Thắng 1, 2, cầu Phước Hòa, cầu Phước Sơn 1 và cầu Phước Thuận, cầu Diêm Vân. Phấn đấu thông tuyến trước Tết nguyên đán năm 2023 theo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi kiểm tra hiện trường.

## **2. Dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại**

**a. Quy mô xây dựng:** Xây dựng tuyến đường đạt đường cấp III đồng bằng theo tiêu chuẩn TCVN 4054-2005; chiều dài tuyến  $L = 9,391\text{Km}$ ; quy mô mặt cắt ngang:  $B_n = 22\text{m}$ ; xây dựng mới 3 cầu trên tuyến; xây dựng hệ thống chiếu sáng dọc tuyến, cây xanh trên giải phân cách.

**b. Tổng mức đầu tư:** 1.043,639 tỷ đồng (*trong đó: xây lắp 692,798 tỷ đồng; GPMB 158,217 tỷ đồng*).

**c. Thời gian thực hiện dự án:** năm 2021 – 2024. Thời gian khởi công hoàn thành: tháng 01/2022 đến tháng 07/2024.

### **d. Kế hoạch vốn và giải ngân**

- Lũy kế kế hoạch vốn đến nay (bao gồm tạm ứng): 506,003 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương: 498 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương: 8,003 tỷ đồng), trong đó năm 2022: 498 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương).

- Lũy kế giải ngân đến nay: **430,876/506,003 tỷ đồng** (*Ban QLDA Giao thông tỉnh: 297,580/345,003 tỷ đồng, UBND thị xã An Nhơn: 7,299/7,299 tỷ đồng, UBND huyện Tuy Phước: 125,997/153,7 tỷ đồng*).

### **d. Công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư**

- UBND thị xã An Nhơn đã bàn giao toàn bộ mặt bằng (khoảng 0,6/0,6km).

- UBND huyện Tuy Phước đã bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công được khoảng **8,4/8,8km**, còn vướng mắc **35 hộ đất ở**, 05 hộ đất nông nghiệp và một số vị trí vướng hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, cáp quang). Về xây dựng khu tái định cư phục vụ dự án (*Khu sau Trường tiểu học số 01 Phước Hiệp, diện tích khoảng 1,01ha*): UBND huyện Tuy Phước đang hoàn tất các thủ tục để triển khai thi công.

### **d. Tình hình thi công xây dựng**

- Dự án chia thành 04 gói thầu xây lắp: gói thầu số 01 giá trị **128,7 tỷ đồng**, gói thầu số 02 giá trị **231,4 tỷ đồng**, gói thầu số 03 giá trị **143,8 tỷ đồng** và gói thầu số 04 giá trị **151,4 tỷ đồng**. Hiện nay, đang triển khai thi công đồng loạt các hạng mục. Nhà thầu đang thi công đắp đất hoàn thiện nền đường K98 thông thường và nền đường xử lý đất yếu, thi công các công trình thoát nước; cầu Phước Quang cơ bản hoàn thiện, đang thi công dầm ngang và bản mặt cầu; cầu Sông Kôn và sông Cạn đã thi công xong phần móng cọc khoan nhồi, đang thi công móng, trụ và đúc dầm. Giá trị xây lắp thực hiện đến nay: **225,7/655,02 tỷ đồng, đạt 34,5%**.

- Phương án thông tuyến: đối với phạm vi vướng GPMB 400m thuộc xã Phước Hiệp, Ban QLDA đã phối hợp với chính quyền địa phương vận động hộ

dân đề thông tuyến, đến nay các hộ dân đã cơ bản đồng thuận, các Nhà thầu đang đắp đường công vụ tiếp cận từ 02 hướng để tiếp cận và mượn đất của các hộ dân đề thông tuyến. Đảm bảo thông tuyến trước Tết nguyên đán năm 2023 theo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi kiểm tra hiện trường.

### **3. Dự án Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Vân**

**a. Quy mô xây dựng:** Chiều dài toàn tuyến 1,6 Km với quy mô  $B_{\text{nền}} = 20,5\text{m}$ ; trên tuyến đầu tư xây dựng mới 02 cầu (*Nhon Bình: Ltc = 210,50m*; *Chợ Góc: Ltc = 245,50m*); xây dựng công hộp và công tròn thoát nước trên tuyến, hệ thống điện chiếu sáng, trồng cây xanh, hệ thống an toàn giao thông trên tuyến.

**b. Tổng mức đầu tư:** 519,798 tỷ đồng (*trong đó: xây lắp 332,487 tỷ đồng; GPMB: 99,042 tỷ đồng*).

**c. Thời gian thực hiện dự án:** năm 2020 – 2023.

#### **d. Kế hoạch vốn và giải ngân**

- Lũy kế kế hoạch vốn đến nay: **167,1 tỷ đồng** (vốn ngân sách địa phương).

- Lũy kế giải ngân đến nay: **142,1/167,1 tỷ đồng**.

**d. Tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng:** đã bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công được 1.399m/1.592m, còn lại 193m cụ thể như sau: đoạn Km0+586 - Km0+706 (120m) còn vướng 36 hộ; lý trình Km0+980 còn 03 hộ; đoạn Km1+254-Km1+310 (56m) còn vướng 16 hộ; đoạn Km1+575-Km1+592 (17m) còn vướng 08 hộ.

**e. Tình hình thi công xây lắp:** Dự án gồm 02 gói thầu xây lắp: gói thầu số 01 với giá trị 166,685 tỷ đồng và gói thầu số 02 với giá trị 188,55 tỷ đồng. Hiện nay, nhà thầu đang thi công xử lý đất yếu, đắp đất nền đường; thi công các công trình thoát nước; Cầu Nhon Bình đã thi công xong trụ T1, T2, T3, T4; đã đổ bê tông bản mặt cầu nhịp 2, 3, 4, 5 (riêng phần móng M1 và M2 phải chờ xử lý nền đất yếu xong mới triển khai), đúc dầm Super T 34/50 dầm; Cầu Chợ Góc đã thi công xong trụ T4, T5, phần thân móng M2, trụ T1, T3 và đang thi công phần bệ móng móng M1, đúc dầm Super T 15/60 dầm. Giá trị xây lắp thực hiện đến nay: **170,0/355,2 tỷ đồng, đạt 47,8%**.

### **4. Dự án Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn**

**a. Quy mô xây dựng:** Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng; chiều dài tuyến  $L = 7,0\text{Km}$ , bề rộng nền đường  $B_n = 22\text{m}$ . Xây dựng mới 4 cầu trên tuyến.

**b. Tổng mức đầu tư:** 786,082 tỷ đồng (*trong đó: xây lắp: 398,869 tỷ đồng; GPMB: 314,496 tỷ đồng*).

**c. Thời gian thực hiện dự án:** năm 2021 - 2024. Thời gian khởi công hoàn thành: tháng 3/2022 đến tháng 3/2024.

#### **d. Kế hoạch vốn và giải ngân**

- Lũy kế kế hoạch vốn đến nay (*bao gồm tạm ứng*): 424,725 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương: 400,0 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương: 24,725 tỷ đồng).

- Lũy kế giải ngân đến nay: **333,237/424,725 tỷ đồng** (*Ban QLDA Giao thông tỉnh: 142,129/172,725 tỷ đồng, UBND thị xã Hoài Nhơn: 191,108/252 tỷ đồng*).

**d. Tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư**

- Đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ **896 hộ + 14 lượt tổ chức (204,68 tỷ đồng)/947 hộ + 07 tổ chức**. Còn lại **51 hộ** chưa phê duyệt.

- Đã chi trả được **884 hộ + 01 lượt tổ chức /190,666 tỷ đồng**.

- Bàn giao mặt bằng thi công: **6,578/7,478Km** (*tuyến chính 6,128/6,478Km, nút giao Quốc lộ 1 nhánh phía Nam 0,45/1,0Km*), đường công vụ **0,7/0,8Km**.

- Về tái định cư: Dự án bị ảnh hưởng tái định cư 44 hộ (*29 hộ bị giải tỏa trắng và 15 hộ bị ảnh hưởng thu hồi một phần diện tích đất ở đủ điều kiện được bố trí tái định cư*), UBND thị xã Hoài Nhơn sử dụng 05 lô đất tại khu quy hoạch dân cư khu phố Cửu Lợi Bắc phường Tam Quan Nam để bố trí TĐC cho các hộ bị ảnh hưởng thuộc phường Tam Quan Nam.

- Về xây dựng 02 khu tái định cư phục vụ dự án (*vị trí tái định cư số 1: thuộc phường Tam Quan, diện tích khoảng 1,0ha; vị trí tái định cư số 2: thuộc phường Hoài Thanh Tây, diện tích khoảng 1,75ha*): Hiện nay, UBND thị xã Hoài Nhơn đang hoàn thiện hồ sơ thủ tục để triển khai thi công.

- Về di dời hạ tầng kỹ thuật (đường điện 22kV, 0,4kV, đường ống nước sạch, cáp viễn thông): UBND thị xã Hoài Nhơn đang hoàn thiện thủ tục để triển khai thực hiện di dời.

**Vướng mắc tồn tại:** Hiện nay trên tuyến vẫn còn một số đoạn vướng GPMB (khoảng 1,0km), cụ thể: vướng đất đai nhà ở vật kiến trúc và cây cối hoa màu của các hộ dân (*tại Km1+00 (30m), Km1+185 (200m), Km1+428 (121m), Km6+400 (30m), Nút giao quốc lộ 1 nhánh phía Nam 550m*), vướng đất hoa màu đoạn tại Km3+600 (100m), ngoài ra, hạ tầng kỹ thuật chưa được di dời.

**e. Tình hình thi công xây lắp**

- Dự án gồm 03 gói thầu xây lắp: gói thầu số 01 với giá trị 132,675 tỷ đồng, gói thầu số 02 với giá trị 145,159 tỷ đồng và gói thầu số 03 với giá trị 144,117 tỷ đồng. Hiện nay, nhà thầu đang thi công đắp đất nền đường K95, K98; thi công các công trình thoát nước; cầu Sông Xưởng đang thi công cọc khoan nhồi, đúc dầm; cầu vượt đường sắt đang thi công cọc khoan nhồi; cầu Sông Cạn đã thi công xong cọc khoan nhồi, mố M1, trụ T1, cầu lắp dầm nhịp 1, đang thi công trụ T2, mố M2 và đúc dầm. Giá trị xây lắp thực hiện đến nay khoảng **85,85/422 tỷ đồng, đạt 20,35%**.

**5. Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ**

**a. Quy mô xây dựng:** Chiều dài tuyến 19,20Km, bề rộng nền đường  $B_n=12m$ . Đầu tư xây dựng 02 cầu trên tuyến.

**b. Tổng mức đầu tư:** 818,592 tỷ đồng (*trong đó: xây lắp: 648,477 tỷ đồng; GPMB: 170,115 tỷ đồng*).

**c. Thời gian thực hiện dự án:** năm 2021 – 2024. Thời gian khởi công hoàn thành: tháng 6/2022 đến tháng 4/2024.

**d. Kế hoạch vốn và giải ngân**

- Lũy kế kế hoạch vốn đến nay: 310,118 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương: 307,017 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương: 3,101 tỷ đồng).

- Lũy kế giải ngân đến nay: **231,293/310,118 tỷ đồng** (*Ban QLDA Giao thông tỉnh: 123,036/190,118 tỷ đồng, UBND huyện Phù Mỹ: 108,257/120 tỷ đồng*).

**đ. Tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư**

- Đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tổng số hộ **833 hộ (135,917 tỷ đồng)/833 hộ** (*cả phần tuyến chính, mở đất và đường công vụ vào mở đất*). Đã phê duyệt xong các phương án tái định cư.

- Đã chi trả được 769 hộ **98,828 /135,917 tỷ đồng**.

- Bàn giao mặt bằng thi công: **17,4/19,2Km**.

- Về phương án tái định cư: Trong thời gian chờ xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án, trước mắt bố trí tái định cư vào các Khu đất của địa phương (*toàn dự án có 20 hộ dân có đất đai, nhà cửa bị ảnh hưởng dự án, phải di dời chỗ ở*), 08 hộ ảnh hưởng nhà bị giải tỏa trắng, đủ điều kiện tái định cư lùi tại chỗ.

- Về xây dựng khu tái định cư phục vụ dự án (*khu tái định cư tại xã Mỹ Trinh với diện tích khoảng 3,1ha*): Hiện nay đơn vị tư vấn đã lập xong Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, đang trình thẩm định.

- Về di dời hạ tầng kỹ thuật (đường điện 22kV, 0,4kV, đường ống nước sinh và cấp viễn thông): UBND huyện Phù Mỹ đã ký hợp đồng với nhà thầu, đang triển khai công tác di dời.

\* **Vướng mắc tồn tại:** Hiện nay trên tuyến vẫn còn một số đoạn vướng GPMB (1,8km), cụ thể: vướng đất đai nhà ở vật kiến trúc và cây cối hoa màu của các hộ dân (*tại Km0+00 (900m), Km1+193 (107m), Km2+525 (255m), Km3+282 (303m), Km10+100 (30m), Km13+00 (46m), Km15+725 (51m), Km17+600 (60m), Km17+780 (100m)*), ngoài ra, hạ tầng kỹ thuật chưa được di dời. Đặc biệt đoạn từ Km17+610 - Km17+760 vướng 03 hộ dân nằm trên tuyến chính nên nhà thầu chưa thể thi công đào cát nền đường đoạn từ Km17+760 đến Km18+060 để tận dụng đắp cát xử lý đất yếu làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công hoàn thành của dự án.

**e. Tình hình thi công xây lắp:** Dự án gồm 03 gói thầu xây lắp: gói thầu số 01 giá trị **155,6 tỷ đồng**, gói thầu số 02 giá trị **139,44 tỷ đồng** và gói thầu số 03 giá trị **226,43 tỷ đồng**. Hiện nay nhà thầu đang thi công đắp đất nền đường; thi công các công trình thoát nước; phần cầu đang thi công phân móng cọc và đúc dầm. Giá trị xây lắp thực hiện đến nay: **47,26/521,47 tỷ đồng, đạt 9,0%**.

**6. Dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc Lộ 1D - Quốc lộ 19 mới**

**a. Quy mô xây dựng:** Chiều dài tuyến 4,3km, bề rộng nền đường  $B_n=29m$ . Đầu tư xây dựng 03 cầu trên tuyến.

**b. Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.490 tỷ đồng** (trong đó: xây lắp 896 tỷ đồng; GPMB 455,3 tỷ đồng).

**c. Thời gian thực hiện dự án: năm 2021 – 2024.**

**d. Kế hoạch vốn và giải ngân**

- Lũy kế kế hoạch vốn đến nay: **110,993 tỷ đồng** (vốn ngân sách Trung ương: 49 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương: 61,993 tỷ đồng).

- Lũy kế giải ngân đến nay: **31,823/110,993 tỷ đồng** (*Ban QLDA Giao thông tỉnh: 9,357/41,993 tỷ đồng, Ban GPMB tỉnh: 22,466/69 tỷ đồng*).

**đ. Tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư**

- Công tác giải phóng mặt bằng: Tổng số hộ bị ảnh hưởng toàn tuyến là: **548 hộ và 04 tổ chức.**

+ Địa bàn phường Nhơn Phú (2,0 km): Tổng số hộ ảnh hưởng **254 hộ**, trong đó: đất nông nghiệp 152 hộ, đất ở 102 hộ (*46 hộ giải tỏa trắng, 56 hộ giải tỏa một phần*) và 02 tổ chức. Đến nay đã kiểm kê xong, đã xác nhận nguồn gốc đất 143 hộ/224 hộ; UBND tỉnh đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 1 cho 37 hộ (*đất nông nghiệp*), với kinh phí là 10,6 tỷ đồng, đã chi trả 10,1 đồng/35 hộ và đợt 2 với 26 hộ (*đất nông nghiệp*), kinh phí là 11,7 tỷ đồng

+ Địa bàn phường Nhơn Bình (2,3km): Tổng số hộ ảnh hưởng **294 hộ**, trong đó: đất nông nghiệp 195 hộ, đất ở 99 hộ (*43 hộ giải tỏa trắng, 56 hộ giải tỏa một phần*) và 02 tổ chức. Đến nay, đã kiểm kê 124hộ/195hộ có đất nông nghiệp; đã chuyển cho phường xác nhận nguồn gốc đất.

- Công tác tái định cư:

+ Xây dựng 01 khu tái định cư tại địa bàn phường Nhơn Phú (4,25ha). Hiện nay đang triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công. Công tác GPMB: UBND tỉnh đã phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ (đợt1): 16,5 tỷ đồng/23 hộ có đất và 16 hộ có mồ mã, đã chi 12,9 tỷ đồng/18 hộ.

+ Phương án tái định cư (nhu cầu bố trí đất tái định cư: 164 hộ):

• *Đối với những hộ bị giải tỏa trắng ở mặt đường Hùng vương và mặt đường Đào Tấn, tại Nút ngã 3 ông Thọ (48 hộ), trong đó:*

*.Địa phận phường Nhơn Phú (số hộ bị giải tỏa trắng ở mặt đường Hùng Vương 20 hộ):* Bố trí tái định cư vào Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An, Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, mặt đường có lộ giới 30m và Khu dân cư khu vực 4, phường Nhơn Bình, do Ban GPMB đang quản lý.

*.Địa phận phường Nhơn Bình (số hộ bị giải tỏa trắng ở mặt đường Hùng Vương và đường Đào Tấn 28 hộ):* Bố trí tái định cư vào Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An, Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, mặt đường có lộ giới 30m và Khu dân cư khu vực 4, phường Nhơn Bình, do Ban GPMB đang quản lý.

• *Đối với những hộ bị giải tỏa trắng ở mặt đường Quốc lộ 1D (02 hộ):* Bố trí tái định cư vào Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, mặt đường có lộ giới 30m.

• *Đối với những hộ giải tỏa 01 phần ở mặt đường Hùng vương, mặt đường Đào Tấn, mặt đường Quốc lộ 1D, đủ điều kiện bố trí tái định cư và*

*những hộ bị giải tỏa trắng, giải tỏa 01 phần ở bên trong, đủ điều kiện giao đất tái định cư (114 hộ):* Bố trí tái định cư vào các đường nội bộ thuộc Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An, Khu dân cư phía Đông Chợ Dinh và Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông.

#### **e. Tình hình thi công dự án**

- Đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để khởi công xây dựng trong tháng 12/2022.

- Về thủ tục khai thác mỏ đất QN03 (*diện tích 18ha thuộc phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn*): Ban QLDA sẽ thực hiện thủ tục cấp phép mỏ đất sau khi lựa chọn xong nhà thầu xây lắp. Công tác GPMB mỏ đất: Ban QLDA đang triển khai đo đạc bản đồ địa chính.

#### **7. Dự án Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong**

**a. Quy mô xây dựng:** Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, chiều dài tuyến L = 17,975Km. Quy mô mặt cắt ngang Bn=12m. Xây dựng mới 06 cầu trên tuyến. Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến.

**b. Tổng mức đầu tư:** 791,386 tỷ đồng (*trong đó: xây lắp 417,3 tỷ đồng; GPMB 234,9 tỷ đồng*).

**c. Thời gian thực hiện dự án:** năm 2021 - 2024. Thời gian khởi công hoàn thành: tháng 8/2022 đến tháng 8/2024.

#### **d. Kế hoạch vốn và giải ngân**

- Lũy kế kế hoạch vốn đến nay (bao gồm tạm ứng): 137,649 tỷ đồng (*vốn ngân sách Trung ương 135 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 2,649 tỷ đồng*).

- Lũy kế giải ngân đến nay: **110,515/137,649 tỷ đồng** (*Ban QLDA Giao thông tỉnh: 54,848/62,649 tỷ đồng, UBND huyện Tây Sơn: 55,667/75 tỷ đồng*).

#### **đ. Tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư**

- Đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của tuyến đường **15 Đợt** của **825 hộ (56,78đồng)/825 hộ + 01 tổ chức**, đã chi trả được **55,67 tỷ đồng**. Bàn giao mặt bằng thi công: **16,2Km/17,9Km**. Đã phê duyệt xong các phương án tái định cư.

- Về công tác xây dựng 02 khu tái định cư (*Khu tái định cư tại thôn Phú Thọ, xã Tây Phú, diện tích khoảng 1,70ha và khu tái định cư tại thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường, diện tích khoảng 1,40ha*). Hiện nay đang triển khai hồ sơ thủ tục để triển khai thi công.

- Về di dời hạ tầng kỹ thuật: Đang hoàn thiện các thủ tục, dự kiến triển khai thi công và hoàn thành bàn giao mặt bằng trong tháng 12/2022.

\* **Vướng mắc tồn tại:** Hiện nay trên tuyến vẫn còn một số đoạn vướng GPMB (1,7km), cụ thể: xã Bình Nghi 40m (tại Km3+100), xã Tây Xuân 930m (tại Km6+165, Km 6+860, Km7+570), xã Tây Phú 345m (Km11+500, Km11+800) và xã Bình Tường 385m (Km15+120, Km15+976, Km16+440, Km17+975), ngoài ra, hạ tầng kỹ thuật chưa được di dời.

**e. Tình hình thi công xây lắp:** Dự án gồm 03 gói thầu xây lắp: gói thầu số 01 giá trị **127,964 tỷ đồng**, gói thầu số 02 giá trị **102,226 tỷ đồng** và gói thầu số 03 giá trị **173,714 tỷ đồng**. Hiện nay, nhà thầu đang thi công đắp đất nền



đường, thi công các công trình thoát nước; phần cầu: đang thi công kết cấu phần dưới (nền móng, mố, trụ) và đúc dầm. Giá trị xây lắp thực hiện đến nay: **12,7/403,9 tỷ đồng, đạt 3,1%.**

**8. Dự án Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639), huyện Phù Cát**

**a. Quy mô xây dựng:** Tổng chiều dài tuyến đường khoảng 3,53km. Quy mô xây dựng đường cấp III, địa hình đồng bằng,  $B_n=20,5m$ ,  $B_m=17,5m$ ; xây dựng mới 02 cầu trên tuyến.

**b. Tổng mức đầu tư dự kiến:** 336,50 tỷ đồng (*Trong đó, xây lắp: 232,10 tỷ đồng, GPMB: 45,00 tỷ đồng*).

**c. Thời gian thực hiện dự án:** năm 2022 – 2025.

**d. Kế hoạch vốn và giải ngân**

- Lũy kế kế hoạch vốn đến nay: **71,6 tỷ đồng** (vốn ngân sách địa phương).

- Lũy kế giải ngân đến nay: **14,888/71,6 tỷ đồng** (*Ban QLDA Giao thông tỉnh: 6,118/41,6 tỷ đồng, UBND huyện Phù Cát: 8,77/30 tỷ đồng*).

**đ. Tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng:** Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng dự án là **172 hộ/12,1ha**. Về tái định cư: Số hộ bị ảnh hưởng tái định cư khoảng 26 hộ được bố trí vào Khu Tái định cư An Quang Đông đã đầu tư xây dựng. Hiện nay, UBND huyện Phù Cát đã thực hiện xong công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, họp dân công khai chủ trương, phổ biến chính sách bồi thường GPMB dự án và đã thực hiện công tác kiểm kê **116 hộ/ 172 hộ**. UBND huyện Phù Cát phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 1 với giá trị bồi thường **88 hộ/10,7 tỷ đồng**, đã chi trả tiền: **73hộ/8,77 tỷ đồng**.

**e. Tình hình thi công xây lắp**

- Ban QLDA đã thông báo mời thầu (*ngày 28/11/2022 mở thầu*), dự kiến ký hợp đồng và khởi công xây dựng trong đầu tháng 12/2022.

- Về mở đất: Ban QLDA Giao thông tỉnh sẽ thực hiện thủ tục cấp phép mở đất sau khi lựa chọn xong nhà thầu xây lắp.

**9. Dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Becamex Vsip Bình Định**

**a. Quy mô xây dựng:** Chiều dài tuyến 12,8km, bề rộng nền đường  $B_n=12m$ . Đầu tư xây dựng 03 cầu trên tuyến.

**b. Tổng mức đầu tư:** 797,0 tỷ đồng (*trong đó, xây lắp: 597,0 tỷ đồng, GPMB: 42,0 tỷ đồng*).

**c. Thời gian thực hiện dự án:** năm 2022 – 2025.

**d. Kế hoạch vốn và giải ngân**

- Lũy kế kế hoạch vốn đến nay: **21 tỷ đồng** (vốn ngân sách địa phương).

- Lũy kế giải ngân đến nay: **0,742/21 tỷ đồng**.

**đ. Tình hình thực hiện dự án**

- Ban QLDA đang triển khai hồ sơ bước thiết kế bản vẽ thi công.

- Dự kiến khởi công xây dựng công trình trong *tháng 02/2023*.

- Công tác giải phóng mặt bằng: Ban QLDA Giao thông tỉnh và UBND thị xã An Nhơn được giao nhiệm vụ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng. Dự kiến bàn giao cọc giải phóng mặt bằng cho địa phương trong tháng 12/2022.

## **10. Tình hình thực hiện giải ngân vốn các dự án trong năm 2022**

**a. Tình hình giải ngân vốn các dự án năm 2022** (phần vốn giao cho Ban QLDA Giao thông tỉnh)

- Kế hoạch vốn năm 2022: 2.407,626 tỷ đồng.
- Vốn đã bố trí năm 2022: 2.294,397 tỷ đồng.
- Vốn đã giải ngân: 2.015,105 tỷ đồng.
- Tỷ lệ giải ngân so với vốn đã bố trí: **87,83%**.

Ban QLDA Giao thông tỉnh **cam kết sẽ giải ngân 100%** vốn bố trí trong năm 2022.

*(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)*

**b. Tình hình giải ngân vốn Trung ương mới được bổ sung năm 2022** (835 tỷ đồng)

- Kế hoạch vốn ngân sách TW năm 2022 ban đầu: 1.343,017 tỷ đồng.
- Kế hoạch vốn ngân sách TW năm 2022 sau khi bổ sung 835 tỷ đồng: 2.178,017 tỷ đồng.
- Phần vốn thanh toán và hoàn trả vốn ngân sách tỉnh đã tạm ứng: 438,727 tỷ đồng.

- Kế hoạch vốn ngân sách TW năm 2022 còn lại phải giải ngân (*sau khi trừ phần vốn thanh toán và hoàn trả vốn ngân sách tỉnh đã tạm ứng*): 1.739,290 tỷ đồng, trong đó: Ban QLDA Giao thông tỉnh: 1.527,017 tỷ đồng, các đơn vị thực hiện GPMB: 212,273 tỷ đồng.

- Vốn đã giải ngân đến nay: 1.408,432 tỷ đồng, trong đó: Ban QLDA Giao thông tỉnh: 1.355,331 tỷ đồng, các đơn vị thực hiện GPMB: 53,101 tỷ đồng.

- Vốn còn lại chưa giải ngân: 330,858 tỷ đồng, trong đó: Ban QLDA Giao thông tỉnh: 171,686 tỷ đồng, các đơn vị thực hiện GPMB: 159,172 tỷ đồng.

## **11. Phương hướng và giải pháp thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian đến**

Để đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban QLDA Giao thông tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, các địa phương thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Chỉ đạo đơn vị thi công tập trung nhân lực, thiết bị đảm bảo theo hợp đồng và tổ chức thi công phù hợp để đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, đáp ứng yêu cầu chất lượng, tiến độ theo nội dung chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh; đồng thời, yêu cầu các đơn vị tư vấn bố trí nhân lực có năng lực chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng hồ sơ thiết kế, quản lý, giám sát chặt chẽ về chất lượng, khối lượng xây dựng công trình, tuân thủ nghiêm về quy trình quản lý chất lượng, nghiệm thu công trình xây dựng; kiên quyết xử lý đối với các nhà thầu không cung cấp đầy đủ nhân lực, thiết bị theo hợp đồng, không đảm bảo về chất lượng, tiến độ các dự án.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm cá nhân của lãnh đạo Ban trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, tiến độ công trình; không được để xảy ra tình trạng công trình xây dựng không đảm bảo chất lượng đưa vào khai thác sử dụng. Lãnh đạo Ban QLDA Giao thông tỉnh phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật nhà nước đối với các vi phạm về chất lượng, khối lượng và tiến độ thực hiện các dự án do Ban quản lý.

- Chủ trì, phối hợp làm việc với các sở, ngành, địa phương có liên quan để phân bổ chi tiết nguồn vốn theo kế hoạch vốn đã bố trí cho các dự án giao thông, trong đó ưu tiên bố trí đầy đủ kinh phí chi trả cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của các dự án do Ban QLDA Giao thông làm chủ đầu tư; phải đảm bảo kế hoạch giải ngân vốn của các dự án theo nội dung chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Tăng cường công tác phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền nhằm đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu tiến độ dự án; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định.

## **II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BẮC – NAM PHÍA ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025, ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN TỈNH**

**1. Tên dự án, phạm vi dự án:** Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa phận tỉnh Bình Định có tổng chiều dài khoảng **118,8km**, đi qua địa phận 08 huyện, thị xã, thành phố, bao gồm 03 dự án thành phần: đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn (dài 88km); đoạn Hoài Nhơn - Quy Nhơn (dài 70,1km); đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh (dài 66,1km).

**2. Quy mô, phạm vi GPMB:** Công tác GPMB tuyến chính được thực hiện theo quy mô hoàn chỉnh 06 làn xe ( $B_{\text{hàn}}=32,25\text{m}$ ).

### **3. Tổng mức đầu tư và Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**

**a. Tổng mức đầu tư phê duyệt:** Tổng mức đầu tư 03 dự án thành phần đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt (*Quyết định số: 906/QĐ-BGTVT, 907/QĐ-BGTVT, 908/QĐ-BGTVT ngày 13/7/2022*) là: **47.673,4** tỷ đồng, trong đó tổng mức đầu tư đoạn qua địa bàn tỉnh khoảng **24.574,9** tỷ đồng.

**b. Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt là 4.953,56** tỷ đồng (*bao gồm cả chi phí dự phòng*).

**c. Nhu cầu vốn thực hiện công tác bồi thường GPMB thực tế sau khi rà soát khoảng 7.806** tỷ đồng; chênh lệch cao hơn chi phí được duyệt là **2.852,44** tỷ đồng. UBND tỉnh đã có Văn bản số 5444/UBND-KT ngày 20/9/2022 báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề nghị điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

**4. Tổng diện tích đất dự án chiếm dụng cần thu hồi:** Khoảng **1.785,91ha**.

### 5. Công tác tái định cư

- Số ngôi nhà bị giải tỏa trắng: Khoảng 1.076 nhà/10.800 hộ bị ảnh hưởng.
- Quy hoạch Khu tái định cư: 43 khu tái định cư phục vụ dự án, diện tích khoảng  $S=93,1ha$ , với khoảng 2.091 lô đất tái định cư.

### 6. Khu cải táng

- Số ngôi mộ bị ảnh hưởng phải di dời: Khoảng 6.313 mộ.
- Quy hoạch Khu cải táng mồ mả: 04 địa phương đang tổ chức lập hồ sơ quy hoạch với 10 khu, diện tích khoảng  $S=4,5ha$ . Các địa phương còn lại cải táng vào nghĩa trang hiện có của địa phương.

### 7. Vật liệu phục vụ xây dựng

- Tổng nhu cầu vật liệu phục vụ thi công: Đất san lấp: 13 triệu  $m^3$ ; Cát xây dựng: 1,78 triệu  $m^3$ ; Đá xây dựng: 4,49 triệu  $m^3$
- Trên cơ sở giới thiệu của địa phương, Chủ đầu tư đã khảo sát 21 mỏ đất đắp (*trữ lượng khoảng 23,1 triệu  $m^3$ ,  $S= 375,4ha$* ); 33 mỏ cát (*trữ lượng khoảng 3,83 triệu  $m^3$ ,  $S= 158,1ha$* ), 25 mỏ đá (*trữ lượng khoảng 47,7 triệu  $m^3$ ,  $S= 222,2ha$* ); tuy nhiên Chủ đầu tư đang kiểm tra **xác định chất lượng đá để quyết định sử dụng cho công trình**), cơ bản đáp ứng đủ về trữ lượng phục vụ nhu cầu xây dựng theo đề nghị của Chủ đầu tư.

### 8. Về bãi đổ thải

- Tổng nhu cầu đổ thải theo yêu cầu của các Chủ đầu tư là: **38,3 triệu  $m^3$** .
- UBND tỉnh đã chấp thuận, giới thiệu cho Chủ đầu tư **31** vị trí đổ thải, có diện tích khoảng  **$S=88,25ha$** , trữ lượng khoảng **42,6 triệu  $m^3$**  đáp ứng nhu cầu đổ thải.

### 9. Hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng

- **Hệ thống hạ tầng kỹ thuật do địa phương quản lý:** 08/08 địa phương đã tiến hành khảo sát hiện trường và xác định hoàn thành khối lượng di dời bao gồm: 202 điểm giao cắt phải di dời; 885 trụ điện; 23.027m đường dây trung áp; 27.877m đường dây hạ áp; 17 trạm biến áp; 872 công tơ điện.
- Di dời tuyến điện trên 110kV và hệ thống hạ tầng kỹ thuật do các cơ quan Trung ương quản lý (*Ban GPMB tỉnh thực hiện*): Đã xác định hoàn thành khối lượng di dời: 10 vị trí là tuyến điện 110kV và 12 vị trí là tuyến điện 220KV.

### 10. Tình hình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

#### a. Về bàn giao, tiếp nhận cọc mốc GPMB

- Đối với tuyến chính, nút giao, đường gom, đường hoàn trả: Các Chủ đầu tư đã bàn giao cho các địa phương tiếp nhận cọc GPMB **đạt 100%**.
- Các hạng mục chưa bàn giao bao gồm: Mỏ vật liệu, đường vào mỏ vật liệu, bãi thải, trạm dừng nghỉ.

#### b. Kết quả thực hiện công tác bồi thường GPMB và tái định cư:

- **Quy mô ảnh hưởng đối với tuyến chính của dự án:** 08/08 địa phương đã kiểm đếm xác định có 10.800 hộ bị ảnh hưởng và 02 điểm Di tích lịch sử được công nhận cấp Quốc gia, với 16.274 thửa đất, diện tích khoảng 925,5ha bị ảnh hưởng; 1.076 ngôi nhà bị giải tỏa trắng; 6.313 ngôi mộ bị ảnh hưởng phải di dời.

- **Công tác kiểm kê, xác nhận nguồn gốc đất đai:**

+ 08/08 địa phương đã hoàn thành công tác kiểm kê.

+ Xác nhận nguồn gốc đất đai được 10.089/10.800 hộ ảnh hưởng (*đạt 93,4%*).

- **Di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật do địa phương quản lý:**

+ 08/08 địa phương đã tiến hành khảo sát hiện trường, xác định hoàn thành khối lượng di dời và đã thống nhất phương án kỹ thuật di dời với chủ cơ quan quản lý sử dụng.

+ 08/08 địa phương đã lấy ý kiến của Chủ đầu tư về hồ sơ thiết kế di dời và đang hoàn thiện theo ý kiến của Chủ đầu tư.

- **Di dời tuyến điện trên 110kV và hệ thống hạ tầng kỹ thuật do các cơ quan Trung ương quản lý (Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh thực hiện):**

+ Đã xác định hoàn thành khối lượng di dời và đã ký kết hợp đồng với các đơn vị tư vấn thực hiện các gói thầu.

+ Đã gửi hồ sơ thiết kế BVTC-Dự toán của các hạng mục di dời này cho các đơn vị chủ cơ quan quản lý, Bộ GTVT, Chủ đầu tư để lấy ý kiến thỏa thuận hồ sơ thiết kế BVTC-Dự toán. Đồng thời, đang tổ chức thực hiện công tác thẩm tra thiết kế BVTC-Dự toán.

- **Khu tái định cư:** 08/08 địa phương đã hoàn thành và phê duyệt quy hoạch 43 khu tái định cư, diện tích khoảng S=93,1ha. Trong đó, An Nhơn đang triển khai đầu tư xây dựng 02 khu tái định cư trên địa bàn xã Nhơn Lộc với diện tích 10,16ha.

- **Khu cải táng mộ mả:** 04 địa phương đã phê duyệt quy hoạch với 10 khu, diện tích khoảng S=4,5ha. Các địa phương còn lại cải táng vào nghĩa trang hiện có của địa phương.

- **Công tác lập, phê duyệt phương án bồi thường GPMB:**

+ 08/08 địa phương đã phê duyệt phương án bồi thường, GPMB với **171 đợt** cho 6.763 hộ, tổ chức bị ảnh hưởng với số tiền **1.322,91 tỷ** đồng, diện tích **686,54/925,5 ha** tuyến chính (*đạt 74,2%*) bị ảnh hưởng. Một số địa phương đã thực hiện công tác phê duyệt có giá trị cao như: Hoài Nhơn 504,96 tỷ đồng, An Nhơn 245,1 tỷ đồng, Phù Mỹ 158,626 tỷ đồng, Tây Sơn 131,4 tỷ đồng, Hoài Ân 109,7 tỷ đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo).

- **Nhu cầu vốn và vốn đã được cấp:**

+ Tổng nhu cầu vốn thực hiện công tác bồi thường GPMB: **7.806 tỷ** đồng.

+ Tổng vốn Bộ Giao thông vận tải đã cấp đến hiện nay: **779,226 tỷ đồng**; đạt **15,7%** so với kinh phí được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt (4.953,56 tỷ đồng) và đạt **10%** so với nhu cầu (7.806,064 tỷ đồng).

- **Kết quả giải ngân đến hiện nay:** 08/8 địa phương đã chi trả **629,34 tỷ đồng**, đạt **80,8%** vốn đã cấp, với diện tích **236,5/925,5ha** tuyến chính, đạt **25,6%**. Trong đó, có 07/09 đơn vị đạt giải ngân trên 70% như: Hoài Ân 58,8 tỷ đồng (100%), Phù Mỹ 37,388 tỷ đồng(100%), Tây Sơn 31,025 tỷ đồng (90%), Hoài Nhơn 381,6 tỷ đồng (89%), Phù Cát 16,13 tỷ đồng (88%), An Nhơn 75,35 tỷ đồng (78%), Tuy Phước 21 tỷ đồng (71%). Riêng Quy Nhơn có tỷ lệ giải ngân thấp (31%) và Ban GPMB tỉnh chưa giải ngân.

- **Kế hoạch chi trả trong năm 2022:** Kế hoạch chi trả tính đến thời điểm 31/12/2022: Khoảng **1.863,941 tỷ đồng** đạt **37,6%** so với kinh phí được Bộ GTVT phê duyệt (4.953,56 tỷ đồng) và đạt **23,9%** so với nhu cầu (7.806,064 tỷ đồng). *So với kinh phí đã được bộ GTVT cấp đến thời điểm ngày 16/11/2022 thiếu 1.084,715 tỷ đồng (riêng Dự án Quảng Ngãi - Hoài Nhơn đã được Bộ GTVT cấp đủ kinh phí cho kế hoạch chi trả của địa phương đến hết năm 2022).* Trong đó:

- Dự án Hoài Nhơn - Quy Nhơn: **Thiếu 922,814 tỷ đồng** (Hoài Nhơn: 21,589 tỷ đồng, Hoài Ân: 144,73 tỷ đồng, Phù Mỹ: 234,358 tỷ đồng, Phù Cát: 145,012 tỷ đồng, Tây Sơn: 165,572 tỷ đồng, An Nhơn: 211,553 tỷ đồng).

- Dự án Quy Nhơn - Chí Thạnh: **Thiếu 161,901 tỷ đồng** (An Nhơn: 27,426 tỷ đồng, Tuy Phước: 120,279 tỷ đồng, Quy Nhơn: 14,196 tỷ đồng).

(Chi tiết có Phụ lục 3 kèm theo).

**c. Công tác GPMB các vị trí đỗ thải, mỏ vật liệu, trạm dừng nghỉ:** Chưa triển khai do chủ đầu tư chưa bàn giao mốc GPMB.

**d. Bàn giao mặt bằng cho Chủ đầu tư:** Địa phương đã bàn giao cho Chủ đầu tư chiều dài **21/118,8km**, đạt **17,7%** với diện tích **184,5/925,5 ha** tuyến chính bị ảnh hưởng (đạt 19,9%).

## **11. Các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị các cơ quan Trung ương**

### **a. Khó khăn vướng mắc**

- Sau khi nhận bàn giao đầy đủ cọc mốc GPMB, các địa phương, đơn vị có liên quan đã tiến hành rà soát lại diện tích đất rừng, đất lúa 2 vụ có gia tăng cao hơn số liệu được phê duyệt tại Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH ngày 11/7/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể: đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên thành 414,06 ha (tăng 82,57ha); đất rừng phòng hộ thành 50,40 ha (tăng 17,80ha) và đất trồng rừng sản xuất thành: 574,7 ha (tăng 93,36ha). Phần diện tích tăng thêm đang vướng không thể triển khai các thủ tục về thu hồi đất gây ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

- Việc thu hồi đất mỏ vật liệu, bãi thải phục vụ dự án chưa được hướng dẫn cụ thể để thực hiện **thu hồi vĩnh viễn hoặc tạm thu hồi**, do đó chưa thể triển khai thực hiện.

- Chưa được hướng dẫn về phân loại xã miền núi và đồng bằng để phục vụ tính toán chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án, vì hiện nay đang tồn tại các Văn bản đồng thời có hiệu lực là:

+ *Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 – 2025, theo đó: các xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã Hoài Nhơn), xã Tây Phú, huyện Tây Sơn không phải là xã miền núi.*

+ *Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Ủy ban Dân tộc). Theo đó, các xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã An Nhơn); xã Tây Phú, huyện Tây Sơn... được xác định là xã miền núi.*

- Bộ Giao thông vận tải đã phê duyệt tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Định là **4.953,56 tỷ đồng**. Tuy nhiên, sau khi rà soát toàn bộ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tổng kinh phí thực tế là **7.806 tỷ đồng**, cao hơn giá trị được duyệt là **2.852,44 tỷ đồng**. Việc chưa phê duyệt bổ sung kịp thời kinh phí sẽ gây ảnh hưởng đến việc phân bổ, giải ngân kinh phí làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

- Hiện nay tổng vốn Bộ Giao thông vận tải đã cấp cho các địa phương là: **779,226 tỷ đồng**. Các địa phương đã chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng **629,34 tỷ đồng**, đạt **80,8%** vốn đã cấp. Đến nay, Bộ Giao thông vận tải chưa cấp bổ sung kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng làm ảnh hưởng đến việc chi trả cho các hộ dân và tiến độ thực hiện dự án. (Ngày 21/11/2022, Bộ GTVT đã có Văn bản số 12198/BGTVT-KHĐT và 12205/BGTVT-KHĐT phân khai chi tiết điều chỉnh kế hoạch vốn dự án, theo đó phân bổ cho công tác bồi thường, GPMB và tái định cư dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn là **621,836 tỷ đồng** và dự án thành phần đoạn Quy Nhơn – Chí Thạnh là **95,529 tỷ đồng**, tuy nhiên hiện nay tiền chưa chuyển đến tài khoản các địa phương).

#### **b. Một số nội dung UBND tỉnh đã kiến nghị cơ quan Trung ương**

\* *Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ*

- Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên để thực hiện Dự án (Văn bản số 6006/UBND-KT ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh).

- Cho phép sử dụng diện tích đất lúa, đất rừng phục vụ dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn tỉnh được tính riêng, không tính vào chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Văn bản số 6006/UBND-KT ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh).

- Chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn cụ thể cho các địa phương đối với việc thu hồi đất mở vật liệu, bãi thải phục vụ dự án để làm cơ sở triển khai thực hiện.

*\* Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải và các Bộ ngành Trung ương*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn cụ thể cho địa phương về phân loại xã miền núi và đồng bằng để phục vụ tính toán chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án.

- Bộ Giao thông vận tải bố trí bổ sung kinh phí để kịp thời chi trả nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu triển khai thi công dự án (*Văn bản số 6836/UBND-KT ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh*), cụ thể: đến thời điểm 20/11/2022: cấp bổ sung **676,547 tỷ** đồng và đến thời điểm 31/12/2022: cấp bổ sung **1.084,715 tỷ** đồng (*hiện nay kinh phí cấp bị chậm*).

- Bộ Giao thông vận tải xem xét phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, GPMB (*tổng kinh phí thực tế là 7.806 tỷ đồng, cao hơn giá trị được duyệt là 2.852,44 tỷ đồng*) để đảm bảo kinh phí chi trả cho các hộ dân bị ảnh hưởng GPMB, đáp ứng yêu cầu tiến độ của dự án (*Văn bản số 6006/UBND-KT ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh*).

- Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt bổ sung nội dung bố trí tái định cư vào Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần Quảng Ngãi - Hoài Nhơn (*Văn bản số 458/TTg-CN ngày 25/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ*) đối với **việc giao đất ở tái định cư** đồng bộ như Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Văn bản số 457/TTg-CN ngày 25/5/2022 và Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn - Quy Nhơn được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 907/QĐ-BGTVT ngày 13/7/2022 và cũng phù hợp với quy định tại Điều 85 và Điều 86 Luật đất đai, Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ (*Văn bản số 6006/UBND-KT ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh*).

- Bộ GTVT xem xét đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng các đoạn tuyến từ các nút giao liên thông kết nối với tuyến QL.1 nhằm phát huy hiệu quả khai thác tuyến cao tốc (*theo Văn bản số 3426/UBND-KT ngày 20/6/2022 và Văn bản số 5287/UBND-KT ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh*).

- Bộ GTVT chỉ đạo Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan sớm bàn giao mốc giới mở vật liệu, bãi thải, đường công vụ... để địa phương triển khai thực hiện công tác bồi thường GPMB.

- Bộ Giao thông vận tải sớm có Văn bản phản hồi đối với các kiến nghị của tỉnh về dự án để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

### III. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo các huyện ủy, thị ủy, thành ủy tập trung chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã có liên quan khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn tỉnh, để đảm bảo tiến độ theo tinh thần Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/2/2022 của Chính phủ, phục vụ khởi công dự án trong tháng 12/2022 và các



dự án giao thông trọng điểm do Ban QLDA Giao thông tỉnh làm chủ đầu tư đảm bảo kế hoạch tiến độ được duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- VPTU;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: GTVT, TNMT;
- Ban QLDA GT tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, K19.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC 1**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN NĂM 2022 CÁC DỰ ÁN**  
**(PHẦN VỐN GIAO CHO BAN QLDA GIAO THÔNG TỈNH)**

(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: 1000đ

TT	Nguồn vốn/dự án	Kế hoạch Năm 2022	Vốn đã bố trí từ đầu năm đến nay	Lũy kế vốn thanh toán (gồm cả tạm ứng)			Vốn còn lại so với số đã bố trí	Tỷ lệ giải ngân so với vốn đã bố trí (%)	Ghi chú
				Tổng số	Xây lắp	Khác			
1	2	3	4	5 =6 +7	6	7	8 = 4 -5	9	10
<b>1</b>	<b>Đường ven biển (ĐT 639), đoạn Cát Tiến đến Đê Gi</b>	<b>100.168.000</b>	<b>100.168.000</b>	<b>100.166.543</b>	<b>97.885.475</b>	<b>2.281.068</b>	<b>1.457</b>	<b>100%</b>	
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022	50.168.000	50.168.000	50.168.000	50.068.537	99.463	0,000	100%	
b	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022	50.000.000	50.000.000	49.998.543	47.816.938	2.181.605	1.457	100%	
<b>2</b>	<b>Đường ven biển ĐT 639, đoạn Đê Gi - Mỹ Thành</b>	<b>188.770.357</b>	<b>188.770.357</b>	<b>169.626.585</b>	<b>165.122.126</b>	<b>4.504.459</b>	<b>19.143.772</b>	<b>90%</b>	
a	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022	100.000.000	100.000.000	100.000.000	99.062.234	937.766	0	100%	
b	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022: theo Kế hoạch ban đầu theo QĐ 2146/QĐUB ngày 11/07/2022 83,957 tỷ; điều chỉnh tăng 4.813,357 triệu theo QĐ 2955/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	88.770.357	88.770.357	69.626.585	66.059.892	3.566.693	19.143.772	78%	
<b>3</b>	<b>Đường ven biển ĐT 639, đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiệu Chánh</b>	<b>63.000.000</b>	<b>63.000.000</b>	<b>61.086.181</b>	<b>59.552.022</b>	<b>1.534.159</b>	<b>1.913.819</b>	<b>97%</b>	
	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022; Kế hoạch ban đầu 33 tỷ, điều chỉnh tăng 30 tỷ theo QĐ 1669/QĐUB ngày 27/05/2022.	63.000.000	63.000.000	61.086.181	59.552.022	1.534.159	1.913.819	97%	
<b>4</b>	<b>Đường phía Tây tỉnh (ĐT639B)Km 130+00 - Km 137+580</b>	<b>3.215.000</b>	<b>3.215.000</b>	<b>3.215.000</b>	<b>3.215.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022	3.215.000	3.215.000	3.215.000	3.215.000		0	100%	
<b>5</b>	<b>Nâng cấp Tuyến đường ĐT. 638( đường phía Tây tỉnh ) đoạn KM 137+580 – Km 143+787</b>	<b>763.297</b>	<b>763.297</b>	<b>729.671</b>	<b>77.866</b>	<b>651.805</b>	<b>33.626</b>	<b>96%</b>	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 1,39 tỷ, điều chỉnh giảm 626,703 triệu theo QĐ 2955/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	763.297	763.297	729.671	77.866	651.805	33.626	96%	
<b>6</b>	<b>Đường trục Khu KT nối dài (giai đoạn 1) Hợp phần 1 (Km 0-Km4)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Ngân sách TW hỗ trợ mục tiêu - 2022; Kế hoạch ban đầu 13,017 tỷ, điều chỉnh giảm theo QĐ 3645/QĐ-UBND ngày 07/11/2022.	0	0	0			0		
<b>7</b>	<b>Đường trục Khu KT nối dài đoạn Km 4+00- Km18+500)</b>	<b>18.957.595</b>	<b>18.957.595</b>	<b>12.833.111</b>	<b>10.835.233</b>	<b>1.997.878</b>	<b>6.124.484</b>	<b>68%</b>	

TT	Nguồn vốn/dự án	Kế hoạch Năm 2022	Vốn đã bố trí từ đầu năm đến nay	Lũy kế vốn thanh toán (gồm cả tạm ứng)			Vốn còn lại so với số đã bố trí	Tỷ lệ giải ngân so với vốn đã bố trí (%)	Ghi chú
				Tổng số	Xây lắp	Khác			
1	2	3	4	5 = 6 + 7	6	7	8 = 4 - 5	9	10
	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 29 tỷ, điều chỉnh giảm 10.242,405 triệu theo QĐ 2955/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	18.957.595	18.957.595	12.833.111	10.835.233	1.997.878	6.124.484	68%	Công ty Hùng Phát nộp lại 76.620.000đ
8	<b>Tuyến đường trục Đông - Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đoạn Km 137+580 - Km143+787</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>	<b>31.972.003</b>	<b>26.762.153</b>	<b>5.209.850</b>	<b>8.027.997</b>	<b>80%</b>	
a	Tiền sử dụng đất, cho thuê đất từ các công trình của NN trên địa bàn tỉnh, các khu ĐDC, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN Nhà nước - 2020 kéo dài (CBĐT) (Giảm 4,3 tỷ theo QĐ 4791/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh)	0		0			0		
	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 50 tỷ, điều chỉnh giảm 10 tỷ theo QĐ 3365/QĐ-UBND ngày 15/10/2022.	40.000.000	40.000.000	31.972.003	26.762.153	5.209.850	8.027.997	80%	
9	<b>Đường Điện Biên Phủ nối dài (đoạn từ Lâm Văn Tương đến QL19 mới)</b>	<b>229.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022	229.000		0			0		Công ty Nhật Minh nộp lại: 33.044.000đ; Cty 510: 71.643.000đ; Tấn Thành: 227.137.000đ
10	<b>Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến khu tâm linh chùa Linh Phong</b>	<b>1.017.659</b>	<b>1.017.659</b>	<b>791.199</b>	<b>380.148</b>	<b>411.051</b>	<b>226.460</b>	<b>78%</b>	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 3,174 tỷ, điều chỉnh giảm 554,597 triệu (đã phân khai Ban QL KKT) theo QĐ 1345/QĐ-UBND ngày 26/4/2022; Điều chỉnh giảm 1,601744 tỷ theo QĐ 3365/QĐ-UBND ngày 15/10/2022.	1.017.659	1.017.659	791.199	380.148	411.051	226.460	78%	
11	<b>Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, TP Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng đến hết cầu số 2 qua sông Hà Thanh) (7719132)</b>	<b>43.601.744</b>	<b>23.601.744</b>	<b>18.811.332</b>	<b>18.394.561</b>	<b>416.771</b>	<b>4.790.412</b>	<b>80%</b>	
a	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022; Kế hoạch ban đầu 20 tỷ, điều chỉnh tăng 10 tỷ theo QĐ 1669/QĐUB ngày 27/05/2022.	30.000.000	10.000.000	10.000.000	9.765.662	234.338	0	100%	
b	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; điều chỉnh tăng theo QĐ 3365/QĐ-UBND ngày 15/10/2022.	13.601.744	13.601.744	8.811.332	8.628.899	182.433	4.790.412	65%	
c	Tạm ứng NST chi trả BT, GPMB và ĐDC		4.167.686	2.499.044		2.499.044	1.668.642		Nguyên TK tạm giữ KBBĐ 1.011.854.000 đ và đã rút chi ngày 20/3/2022

TT	Nguồn vốn/dự án	Kế hoạch Năm 2022	Vốn đã bố trí từ đầu năm đến nay	Lũy kế vốn thanh toán (gồm cả tạm ứng)			Vốn còn lại so với số đã bố trí	Tỷ lệ giải ngân so với vốn đã bố trí (%)	Ghi chú
				Tổng số	Xây lắp	Khác			
1	2	3	4	5 = 6 + 7	6	7	8 = 4 - 5	9	10
12	<b>Nâng cấp mở rộng đường qua các di tích văn hóa LS Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa LS Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (7579582)</b>	<b>15.230.751</b>	<b>15.230.751</b>	<b>9.233.334</b>	<b>8.826.934</b>	<b>406.400</b>	<b>5.997.417</b>	<b>61%</b>	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 12 tỷ, điều chỉnh tăng 3.230,751 triệu theo QĐ 2955/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	15.230.751	15.230.751	9.233.334	8.826.934	406.400	5.997.417	61%	
13	<b>Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ QL1 đến cổng sân bay Phù Cát) (7757589)</b>	<b>24.825.000</b>	<b>24.825.000</b>	<b>22.058.084</b>	<b>21.714.016</b>	<b>344.068</b>	<b>2.766.916</b>	<b>89%</b>	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 22 tỷ, điều chỉnh tăng 2.825 triệu theo QĐ 2955/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	24.825.000	24.825.000	22.058.084	21.714.016	344.068	2.766.916	89%	
14	<b>Dự án Đầu tư xây dựng cầu vào trụ sở mới Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy bộ Bình Định (7796616)</b>	<b>11.972.000</b>	<b>11.972.000</b>	<b>10.968.145</b>	<b>9.850.406</b>	<b>1.117.739</b>	<b>1.003.855</b>	<b>92%</b>	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 13,972 tỷ, điều chỉnh giảm 2 tỷ theo QĐ 3365/QĐ-UBND ngày 15/10/2022.	11.972.000	11.972.000	10.968.145	9.850.406	1.117.739	1.003.855	92%	
15	<b>Đường Điện Biên Phủ nối dài đến khu đô thị Diêm Vân (7848210)</b>	<b>95.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>69.689.512</b>	<b>310.488</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022	25.000.000	25.000.000	25.000.000	24.689.512	310.488	0	100%	
b	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022 (Bổ sung theo QĐ 1113/QĐ-UBND ngày 06/4/2022); KH ban đầu là 45 tỷ; Tăng 20 tỷ theo QĐ 2955/QĐUB ngày 13/9/2022; Điều chỉnh tăng 5 tỷ theo QĐ 2979/QĐUB ngày 15/09/2022	70.000.000	45.000.000	45.000.000	45.000.000		0	100%	
16	<b>Xây dựng tuyến Đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới</b>	<b>41.500.050</b>	<b>23.500.050</b>	<b>8.864.234</b>	<b>0</b>	<b>8.864.234</b>	<b>14.635.816</b>	<b>38%</b>	
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 60 tỷ, điều chỉnh giảm 20 tỷ (đã phân khai cho Ban GPMB 20 tỷ) theo QĐ 2996/QĐ-UBND ngày 15/09/2022)	40.000.000	22.000.000	7.364.184		7.364.184	14.635.816	33%	
b	Vốn NST ĐTTT (CBĐT) - 2021 kéo dài theo Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 06/4/2022.	50	50	50		50	0	100%	
c	Ngân sách TW hỗ trợ mục tiêu - 2022; KH ban đầu 100 tỷ, Điều chỉnh giảm 100 tỷ theo QĐ 557/QĐUB ngày 22/02/2022.	0	0	0			0	0%	
d	Vốn NST ĐTTT (CBĐT) - 2022 KH theo QĐ 2955/QĐUB ngày 13/9/2022.	1.500.000	1.500.000	1.500.000		1.500.000	0	100%	
17	<b>Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại</b>	<b>337.000.000</b>	<b>337.000.000</b>	<b>289.576.524</b>	<b>270.432.918</b>	<b>19.143.606</b>	<b>47.423.476</b>	<b>86%</b>	
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 30 tỷ, điều chỉnh giảm 30 tỷ (đã phân khai cho huyện 30 tỷ) theo QĐ 120/QĐ-UBND ngày 12/01/2022)	0		0			0		

TT	Nguồn vốn/dự án	Kế hoạch Năm 2022	Vốn đã bố trí từ đầu năm đến nay	Lũy kế vốn thanh toán (gồm cả tạm ứng)			Vốn còn lại so với số đã bố trí	Tỷ lệ giải ngân so với vốn đã bố trí (%)	Ghi chú
				Tổng số	Xây lắp	Khác			
1	2	3	4	5 =6 +7	6	7	8 = 4 -5	9	10
b	Ngân sách TW hỗ trợ mục tiêu - 2022; KH ban đầu 100 tỷ, Điều chỉnh tăng 100 tỷ theo QĐ 557/QĐUB ngày 22/02/2022; Điều chỉnh tăng 153 tỷ theo QĐ 3259/QĐUB ngày 06/10/2022; Điều chỉnh tăng KH 145 tỷ và đồng thời phân khai vốn cho huyện 161 tỷ theo QĐ 3645/QĐUB ngày 07/11/2022.	337.000.000	337.000.000	289.576.524	270.432.918	19.143.606	47.423.476	86%	
<b>18</b>	<b>Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn</b>	<b>169.002.133</b>	<b>169.002.133</b>	<b>138.406.323</b>	<b>127.738.105</b>	<b>10.668.218</b>	<b>30.595.810</b>	<b>82%</b>	
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất - kéo dài sang 2022; Điều chỉnh tăng 287.133 triệu theo QĐ 2979/QĐUB ngày 15/09/2022	287.133	287.133	287.133	287.133		0	100%	
b	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 30 tỷ, điều chỉnh giảm 10 tỷ (đã phân khai cho huyện 10 tỷ) theo QĐ 388/QĐUB ngày 08/02/2022; điều chỉnh giảm 20 tỷ theo QĐ 2146/QĐUB ngày 11/07/2022; Điều chỉnh tăng 715.000 triệu theo QĐ 2979/QĐUB ngày 15/09/2022	715.000	715.000	715.000	715.000		0	0%	
c	Ngân sách TW hỗ trợ mục tiêu - 2022; Kế hoạch ban đầu 100 tỷ, điều chỉnh giảm 20 tỷ (đã phân khai cho huyện 20 tỷ) theo QĐ 388/QĐUB ngày 08/02/2022; Điều chỉnh tăng 30 tỷ theo QĐ 2979/QĐUB ngày 15/09/2022; Điều chỉnh tăng 163 tỷ theo QĐ 3259/QĐUB ngày 06/10/2022; Điều chỉnh tăng KH 107 tỷ và đồng thời phân khai vốn cho huyện 212 tỷ theo QĐ 3645/QĐUB ngày 07/11/2022.	168.000.000	168.000.000	137.404.190	126.735.972	10.668.218	30.595.810	82%	
<b>19</b>	<b>Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ</b>	<b>187.017.000</b>	<b>187.017.000</b>	<b>119.935.298</b>	<b>102.767.630</b>	<b>17.167.668</b>	<b>67.081.702</b>	<b>64%</b>	
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 25 tỷ, điều chỉnh giảm 11,043 tỷ (đã phân khai cho huyện 11,043 tỷ) theo QĐ 388/QĐUB ngày 08/02/2022; điều chỉnh giảm 13,957 tỷ theo QĐ 2146/QĐUB ngày 11/07/2022	0	0	0	0		0		
b	Ngân sách TW hỗ trợ mục tiêu - 2022; Kế hoạch ban đầu 100 tỷ, điều chỉnh giảm 14 tỷ (đã phân khai cho huyện 14 tỷ) theo QĐ 388/QĐUB ngày 08/02/2022; Điều chỉnh tăng 131 tỷ theo QĐ 3259/QĐUB ngày 06/10/2022; Điều chỉnh tăng KH 90,017 tỷ và đồng thời phân khai vốn cho huyện 120 tỷ theo QĐ 3645/QĐUB ngày 07/11/2022.	187.017.000	187.017.000	119.935.298	102.767.630	17.167.668	67.081.702	64%	
<b>20</b>	<b>Nâng cấp mở rộng đường ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Văn)</b>	<b>35.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	<b>13.946.426</b>	<b>13.620.216</b>	<b>326.210</b>	<b>6.053.574</b>	<b>70%</b>	
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022	20.000.000	20.000.000	13.946.426	13.620.216	326.210	6.053.574	70%	

TT	Nguồn vốn/dự án	Kế hoạch Năm 2022	Vốn đã bố trí từ đầu năm đến nay	Lũy kế vốn thanh toán (gồm cả tạm ứng)			Vốn còn lại so với số đã bố trí	Tỷ lệ giải ngân so với vốn đã bố trí (%)	Ghi chú
				Tổng số	Xây lắp	Khác			
1	2	3	4	5 =6 +7	6	7	8 = 4 -5	9	10
b	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022 (Bổ sung theo QĐ 2955/QĐUB ngày 12/9/2022)	15.000.000		0			0	0%	
<b>21</b>	<b>Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân</b>	<b>775.000.000</b>	<b>775.000.000</b>	<b>755.213.766</b>	<b>523.203.958</b>	<b>232.009.808</b>	<b>19.786.234</b>	<b>97%</b>	
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022: Kế hoạch ban đầu 50 tỷ, điều chỉnh giảm 50 tỷ theo QĐ 2146/QĐUB ngày 11/07/2022	0		0			0		
b	Ngân sách TW hỗ trợ mục tiêu - 2022. KH ban đầu 800 tỷ, Điều chỉnh tăng 178 tỷ theo QĐ 3259/QĐUB ngày 06/10/2022; Điều chỉnh giảm KH 203 tỷ theo QĐ 3645/QĐUB ngày 07/11/2022.	775.000.000	775.000.000	755.213.766	523.203.958	232.009.808	19.786.234	97%	
<b>22</b>	<b>Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>	<b>52.198.782</b>	<b>37.011.567</b>	<b>15.187.215</b>	<b>7.801.218</b>	<b>87%</b>	
a	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022; Kế hoạch ban đầu 50 tỷ, điều chỉnh giảm 50 tỷ (phân bổ cho huyện tây Sơn) theo QĐ 1669/QĐUB ngày 27/05/2022.	0		0			0		
b	Ngân sách TW hỗ trợ mục tiêu - 2022; KH ban đầu 100 tỷ, Điều chỉnh tăng 210 tỷ theo QĐ 3259/QĐUB ngày 06/10/2022; Điều chỉnh giảm KH 175 tỷ và phân khai vốn cho huyện 75 tỷ theo QĐ 3645/QĐUB ngày 07/11/2022.	60.000.000	60.000.000	52.198.782	37.011.567	15.187.215	7.801.218	87%	
<b>23</b>	<b>Đường phía tây huyện Vân Canh (từ KCN, Đô thị và dịch vụ Becamex Bình Định đến TT.Vân Canh)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022; Kế hoạch ban đầu 85 tỷ, điều chỉnh giảm 30 tỷ theo QĐ 1669/QĐUB ngày 27/05/2022; Điều chỉnh giảm 55 tỷ theo QĐ 2293/QĐUB ngày 21/07/2022	0		0			0		
<b>24</b>	<b>Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)</b>	<b>41.500.000</b>	<b>41.500.000</b>	<b>6.018.149</b>	<b>0</b>	<b>6.018.149</b>	<b>35.481.851</b>	<b>15%</b>	
a	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022; Kế hoạch ban đầu 90 tỷ, điều chỉnh giảm 20 tỷ theo QĐ 1669/QĐUB ngày 27/05/2022; Điều chỉnh giảm 30 tỷ (phân bổ cho huyện Phù Cát) theo QĐ 2146/QĐUB ngày 11/07/2022	40.000.000	40.000.000	4.518.149		4.518.149	35.481.851	11%	
b	Vốn NST ĐTTT (CBĐT) - 2022 theo QĐ 1668/QĐUB ngày 27/05/2022.	1.500.000	1.500.000	1.500.000		1.500.000	0	100%	
<b>25</b>	<b>Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hảo Tây</b>	<b>17.200.429</b>	<b>2.200.429</b>	<b>2.056.468</b>	<b>0</b>	<b>2.056.468</b>	<b>143.961</b>	<b>93%</b>	

TT	Nguồn vốn/dự án	Kế hoạch Năm 2022	Vốn đã bố trí từ đầu năm đến nay	Lũy kế vốn thanh toán (gồm cả tạm ứng)			Vốn còn lại so với số đã bố trí	Tỷ lệ giải ngân so với vốn đã bố trí (%)	Ghi chú
				Tổng số	Xây lắp	Khác			
1	2	3	4	5 = 6 + 7	6	7	8 = 4 - 5	9	10
a	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022; Kế hoạch ban đầu 10 tỷ, điều chỉnh tăng 10 tỷ theo QĐ 1669/QĐUB ngày 27/05/2022; Điều chỉnh giảm 2,799571 tỷ (phân bổ cho huyện An Lão) theo QĐ 2146/QĐUB ngày 11/07/2022	17.200.429	2.200.429	2.056.468		2.056.468	143.961	93%	
b	Vốn NST ĐTTT (CBĐT) - 2022 KH theo QĐ 1668/QĐUB ngày 27/05/2022 là 1,5 tỷ; Giảm 1,5 tỷ theo QĐ 2955/QĐUB ngày 13/9/2022.	0	0	0			0	0%	
<b>26</b>	<b>Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến KCN, Đô thị và dịch vụ Becamex Bình Định-VSIP Bình Định</b>	<b>21.000.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>742.001</b>	<b>0</b>	<b>742.001</b>	<b>257.999</b>	<b>74%</b>	
a	Vốn NST ĐTTT (CBĐT) - 2022 theo QĐ 1668/QĐUB ngày 27/05/2022.	1.000.000	1.000.000	742.001		742.001	257.999	74%	
b	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022: KH theo QĐ 2293/QĐUB ngày 21/07/2022 là 55 tỷ; Giảm 35 tỷ theo QĐ 2955/QĐUB ngày 13/9/2022.	20.000.000		0			0		
<b>27</b>	<b>XD cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)-Hợp phần Cầu</b>	<b>66.357</b>	<b>66.357</b>	<b>66.357</b>	<b>0</b>	<b>66.357</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất - 2022	66.357	66.357	66.357		66.357	0	100%	
<b>28</b>	<b>Tuyến đường QL19 (đoạn từ cảng QN đến giao QL1A)</b>	<b>116.590.208</b>	<b>116.590.208</b>	<b>116.590.208</b>	<b>115.837.796</b>	<b>752.412</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>	
a	Ngân sách TW hỗ trợ mục tiêu (thu hồi các khoản vốn ứng trước)	268.254.000	268.254.000	268.254.000	268.254.000		0	100%	Đã hoàn nguồn các khoản vốn ứng trước: 268.254.000.000 đồng
b	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022 (Bổ sung theo QĐ 1113/QĐ-UBND ngày 06/4/2022)	83.000.000	83.000.000	83.000.000	83.000.000		0	100%	
c	Nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022 (Bổ sung theo QĐ 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022)	842.769.906	842.769.906	842.769.906			0	100%	Đã hoàn nguồn các khoản vốn ứng trước: 842.769.906.000 đồng
d	Nguồn thoái vốn nhà nước tại các DN - 2022 (Bổ sung theo QĐ 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022)	21.279.208	21.279.208	21.279.208	21.279.208		0	100%	
e	Nguồn hoàn trả NS tính kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng của DA Tuyến đường Quốc lộ 19 (đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao quốc lộ 1) (Bổ sung theo QĐ 1113/QĐ-UBND ngày 06/4/2022)	12.311.000	12.311.000	12.311.000	11.558.588	752.412	0	100%	
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>2.407.626.580</b>	<b>2.294.397.580</b>	<b>2.015.105.724</b>	<b>1.682.917.642</b>	<b>332.188.082</b>	<b>279.291.856</b>		

\* Tỷ lệ giải ngân so với vốn được bố trí: 5/4 :

**87,83%**

**PHỤ LỤC 2****CÔNG TÁC KIỂM KÊ, XÁC NHẬN NGUỒN GỐC ĐẤT ĐAI, PHÊ DUYỆT  
PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG GPMB**

(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Đã thực hiện kiểm kê		Đã xác nhận nguồn gốc đất		Phê duyệt phương án bồi thường, GPMB			
		Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số đợt	Số hộ, tổ chức	Diện tích (ha)	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Hoài Nhơn	3.621	100,0	3.280	91,0	77	2.591	184,58	504,955
2	Hoài Ân	1.318	100,0	1.278	97,0	9	689	113,50	109,700
3	Phù Mỹ	1.365	100,0	1.130	85,2	17	947	100,19	158,626
4	Phù Cát	458	100,0	434	94,8	5	358	51,30	91,300
5	Tây Sơn	1.689	100,0	1.689	100,0	10	674	68,02	131,389
6	An Nhơn	1.216	100,0	1.216	100,0	44	881	92,15	245,100
7	Tuy Phước	953	100,0	953	100,0	4	584	42,00	62,300
8	Quy Nhơn	180	100,0	109	60,6	5	39	34,80	19,540
9	Ban GPMB tỉnh								
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.800</b>	<b>100,0</b>	<b>10.089</b>	<b>93,4</b>	<b>171</b>	<b>6.763</b>	<b>686,54</b>	<b>1.322,910</b>



**PHỤ LỤC 3**  
**TỔNG HỢP NHU CẦU, KẾ HOẠCH VÀ GIẢI NGÂN VỐN ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2022**  
*(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày /11/2022 của UBND tỉnh)*

TT	Địa phương	Nhu cầu vốn thực hiện bồi thường GPMB (tỷ đồng)	Kinh phí đã được Bộ GTVT cấp đến 10/11/2022 (tỷ đồng)		Kế hoạch chi trả (tỷ đồng)		Đã chi trả đến thời điểm 09/11/2022			Kinh phí đã được Bộ GTVT cấp đến hiện nay 20/11/2022 (tỷ đồng)		Đã chi trả tính đến thời điểm hiện nay 22/11/2022				Kinh phí còn thiếu đề nghị cấp bổ sung (tỷ đồng)	
			Kinh phí	Tỷ lệ so với nhu cầu vốn (%)	Lũy kế giá trị đến 20/11/2022	Lũy kế giá trị đến 31/12/2022	Số hộ, tổ chức	Kinh phí (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân theo vốn cấp (%)	Kinh phí (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với nhu cầu vốn (%)	Số hộ, tổ chức	Diện tích (ha)	Kinh phí (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân theo vốn cấp (%)	Đến thời điểm 20/11/2022	Đến thời điểm 31/12/2022
1	Hoài Nhơn	2.229,450	430,000	19,3	372,913	451,589	1.371	264,6	61,5	430,000	19,3	1.958	85,8	381,635	88,8	14,314	21,589
2	Hoài Ân	872,712	58,800	6,7	124,620	203,530	319	58,3	99,1	58,800	6,7	322	56,5	58,800	100,0	65,820	144,730
3	Phù Mỹ	874,690	37,388	4,3	171,746	271,746	349	37,4	100,0	37,388	4,3	349	11,1	37,400	100,0	134,358	234,358
4	Phù Cát	451,343	17,988	4,0	98,000	163,000	93	15,8	87,7	17,988	4,0	94	5,1	16,130	89,7	80,012	145,012
5	Tây Sơn	852,755	34,428	4,0	150,000	200,000	192	29,0	84,2	34,428	4,0	253	16,1	31,025	90,1	115,572	165,572
6	An Nhơn	963,572	96,550	10,0	292,742	335,529	402	75,3	78,0	96,550	10,0	410	23,0	75,350	78,0	196,192	238,979
7	Tuy Phước	560,297	29,721	5,3	100,000	150,000	192	21,0	70,7	29,721	5,3	192,00	11,00	21,00	70,66	70,279	120,279
8	Quy Nhơn	352,482	25,804	7,3	15,560	40,000	14	5,7	22,2	25,804	7,3	21	27,9	8,000	31,0		14,196
9	Ban GPMB tỉnh	648,763	40,559	6,3	0,000	48,547	0	0,0	0,0	48,547	7,5				0,0		0,000
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.806,064</b>	<b>771,238</b>	<b>9,9</b>	<b>1.325,581</b>	<b>1.863,941</b>	<b>2.932</b>	<b>507,1</b>	<b>65,8</b>	<b>779,226</b>	<b>10,0</b>	<b>3.599</b>	<b>236,5</b>	<b>629,340</b>	<b>80,8</b>	<b>676,547</b>	<b>1.084,715</b>

**Ghi chú:** Dự án Quảng Ngãi-Hoài Nhơn đã được Bộ GTVT cấp đủ kinh phí cho kế hoạch chi trả của Hoài Nhơn và Ban GPMB tỉnh đến hết năm 2022





